

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1	Bùi Hà	Phương	TLA010880	1	26.25		26.25
2	Phạm Khánh	Hoà	TTB002358	1	24.00	1.5	25.50
3	Lê Tú	Anh	BKA000358	3	24.75		24.75
4	Nguyễn Thảo	Nguyễn	HHA010294	2	24.25	0.5	24.75
5	Nguyễn Thị Thúy	Vân	SPH019290	3	24.25		24.25
6	Bùi Thị Vũ	Hoa	THV004696	1	22.75	1.5	24.25
7	Nguyễn Hoàng Nhật	Minh	SPH011408	3	24.00		24.00
8	Nguyễn Thúy	Hạnh	SPH005408	2	24.00		24.00
9	Lê Kiều	Minh	TLA009169	1	24.00		24.00
10	Trương Thị	Vui	TLA015743	1	23.00	1.0	24.00
11	Nguyễn Hồng	Hạnh	HHA004201	3	23.25	0.5	23.75
12	Đỗ Thùy	Linh	TDV016293	1	23.25	0.5	23.75
13	Vũ Trường	Anh	TLA001373	1	23.25	0.5	23.75
14	Nguyễn Diệu	Hoa	THV004742	2	20.00	3.5	23.50
15	Hồ Thị Bảo	Uyên	TDV035518	1	22.50	1.0	23.50
16	Tạ Thị Hồng	Hải	TND006773	1	23.00	0.5	23.50
17	Bùi Thị Phương	Anh	YTB000159	4	22.25	1.0	23.25
18	Phạm Xuân	Trường	SPH018261	1	23.25		23.25
19	Lê Thị Bằng	Giang	TQU001305	1	21.75	1.5	23.25
20	Đặng Việt	Hà	HHA003669	3	23.00		23.00
21	Trịnh Thị Diệu	Linh	HDT014905	1	22.50	0.5	23.00
22	Lê Quốc	Nghĩa	TLA009969	1	23.00		23.00
23	Phạm Thị Phương	Anh	SPH001370	1	23.00		23.00
24	Hà Thị Ngọc	Mai	THV008379	4	22.25	0.5	22.75
25	Bùi Ngọc	Anh	TND000104	2	19.25	3.5	22.75
26	Đỗ Ngọc Thuỷ	Dương	KHA001994	2	22.75		22.75
27	Phạm Thủy	Tiên	THV013353	1	21.25	1.5	22.75
28	Nguyễn Hà	Anh	TLA000602	1	22.75		22.75
29	Nguyễn Hồ Hoàng	Yến	HDT030383	4	21.00	1.5	22.50

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
30	Đào Tường	Chi	SPH002348	4	22.50		22.50
31	Nông Đức	Minh	SPH011485	3	21.50	1.0	22.50
32	Nguyễn Thảo	My	THV008838	2	21.00	1.5	22.50
33	Ngô Diệu	Linh	TTB003514	1	21.00	1.5	22.50
34	Phạm Ngô Bảo	Ngọc	TND018121	1	22.00	0.5	22.50
35	Phạm Thùy	Dung	NLS001628	1	21.00	1.5	22.50
36	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	TND016029	2	18.75	3.5	22.25
37	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	TLA015918	2	20.75	1.5	22.25
38	Trần Thùy	Trang	SPH017842	2	21.75	0.5	22.25
39	Trần Huyền	Trang	LNH009903	2	18.75	3.5	22.25
40	Lê Thị Lan	Hương	HDT012130	1	21.25	1.0	22.25
41	Trần Cao ánh	Dương	HHA002782	1	22.25		22.25
42	Ngô Thị	Nhàn	BKA009759	1	21.25	1.0	22.25
43	Huỳnh Phương	Ngân	KHA007040	4	22.00		22.00
44	Phan Cẩm	Tú	HVN011598	1	21.00	1.0	22.00
45	Nguyễn Thị Trâm	Anh	KHA000487	1	22.00		22.00
46	Hoàng Vân	Anh	THP000307	1	21.00	1.0	22.00
47	Nguyễn Thị Thu	Hà	YTB006049	4	20.75	1.0	21.75
48	Tô Thị Xuân	Thanh	TLA012242	4	21.75		21.75
49	Nguyễn Phương	Linh	BKA007595	4	21.75		21.75
50	Lê Thị Thanh	Hằng	THV004031	4	20.25	1.5	21.75
51	Phạm Thị Việt	Mỹ	TDV019752	2	20.25	1.5	21.75
52	Đỗ Thị	Hằng	HDT007761	2	20.75	1.0	21.75
53	Hoàng Hải	Ly	TND015644	2	20.25	1.5	21.75
54	Nguyễn Kim	Anh	LNH000323	1	20.25	1.5	21.75
55	Trần Tiến	Đạt	SPH003993	1	21.75		21.75
56	Hoàng Hồng	Huệ	THV005302	1	18.25	3.5	21.75
57	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	YTB018328	1	20.75	1.0	21.75
58	Lê Thị Thu	Hoài	TDV011294	1	20.25	1.5	21.75

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI
PHÒNG ĐÀO TẠO

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 03/08/2015

Trang 3

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
59	Nguyễn Thị	Linh	HDT014490	1	20.75	1.0	21.75
60	Bùi Ngọc Minh	Châu	LNH000919	3	18.00	3.5	21.50
61	Trịnh Thị Phương	Anh	HDT020299	2	21.00	0.5	21.50
62	Phạm Thu	Trang	HHA014774	2	20.00	1.5	21.50
63	Lê Đình	Hiệp	TLA004967	2	21.50		21.50
64	Phạm Thị Hồng	Nhung	HDT018961	2	18.00	3.5	21.50
65	Nguyễn Ngọc	Anh	YTB000683	1	21.00	0.5	21.50
66	Nguyễn Thị Phương	Thảo	THV012240	1	20.00	1.5	21.50
67	Nguyễn Thị	Linh	LNH005370	1	21.00	0.5	21.50
68	Hoàng Thị	Hằng	TND007292	1	18.00	3.5	21.50
69	Vì Thị Kim	Ngân	THV009296	2	20.75	0.5	21.25
70	Nguyễn Thị Minh	Anh	HDT001116	2	20.50	0.5	21.00
71	Vũ Ngọc	Mai	YTB014139	4	19.75	1.0	20.75
72	Lê Đức	Mạnh	BAK008509	4	20.75		20.75
73	Bùi Thị Ngọc	Trâm	HDT027311	2	19.75	1.0	20.75
74	Nguyễn Thùy	Dung	TND003779	4	19.00	1.5	20.50
75	Hà Thuý	Hoa	HHA005072	1	19.75	0.5	20.25
76	Mai Thục	Anh	HDT000865	4	19.50	0.5	20.00
77	Hồ Minh	Anh	SPH000347	4	20.00		20.00
78	Nguyễn Thùy	Tiên	TND025492	2	19.50	0.5	20.00
79	Trần Thị	Khá	YTB011172	4	18.00	1.0	19.00
80	Nguyễn Thị Phương	Hoa	TND008807	4	17.50	1.5	19.00
81	Trần Minh	Hằng	KHA003290	3	18.25	0.5	18.75
82	Bùi Thu	Thủy	HVN010237	3	18.75		18.75
83	Vũ Thị Thu	Trang	NLS013364	1	16.75	1.5	18.25
84	Nguyễn Hồng	Diệp	TND005166	1	14.75	3.5	18.25

Hà Nội, ngày 04 tháng 08 năm 2015
NGƯỜI LẬP BIỂU